

Bản án số: 83/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/12/2020

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NH DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân, ông Giáp Đức Sơn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 24/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 395/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2020 về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Anh H, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Khoát, xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Trần Hải Y, sinh năm 1988 (vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đắc Kual 5, xã Đắc N’Drung, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Lê Anh H trình bày: Anh tự nguyện kết hôn với chị Trần Hải Y vào ngày 02/11/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Hưng. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn với chị Y.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là Lê Trần Khánh Bằng, sinh ngày 06/7/2010 và Lê Trần Gia Phúc, sinh ngày 03/11/2015. Hiện nay các con chung đều đang ở cùng với anh, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng anh không có nên không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/11/2020, bị đơn là chị Trần Hải Y trình bày: Chị xác nhận thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như anh H trình bày là đúng. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, anh H xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Trần Khánh Bằng, sinh ngày 06/7/2010 và Lê Trần Gia Phúc, sinh ngày 03/11/2015. Hiện nay các con chung đều đang ở cùng với anh H, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Ly hôn chị đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Y vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với chị Y và xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Chị Y vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn khởi kiện của anh Lê Anh H cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Bị đơn không cư trú trên địa bàn huyện Lạng Giang. Nhưng giữa bị đơn và nguyên đơn đã có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang là nơi giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang theo điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự pháp luật đã quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn là anh H có mặt, bị đơn là chị Y vắng mặt và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Y theo quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh H và chị Trần Hải Y có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2009 tại UBND xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị Y là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của anh H, chị Y đều xác định vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn to tiếng, cãi chửi nhau và đã có khoảng thời gian dài sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H và ý kiến của chị Y đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ về nhân thân, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Anh H, chị Y đã mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị Y.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh H, chị Y có 02 con chung là Lê Trần Khánh Bằng, sinh ngày 06/7/2010 và Lê Trần Gia Phúc, sinh ngày 03/11/2015. Cháu Bằng đã trên 07 tuổi và có ý kiến xin được ở với anh H. Đồng thời, chị Y đồng ý để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Vì vậy, cần giao cháu Bằng và cháu Phúc cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị Y đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

Chị Y có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H, chị Y không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp tiền án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Anh H được ly hôn chị Trần Hải Y.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Lê Trần Khánh Băng, sinh ngày 06/7/2010 và Lê Trần Gia Phúc, sinh ngày 03/11/2015.

Sau khi ly hôn chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

Anh H, chị Y có quyền làm đơn đề nghị giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản: Anh H, chị Y không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lê Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002671 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã Nghĩa Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang